TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2018
V/v "*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Thạch Thanh Long.
2/. Ông Nguyễn Văn Tráng.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thơ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1980 (có mặt).
Địa chỉ: Xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Cao Văn G, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của chị Huỳnh Thị Kim N và anh Cao Văn G: Cháu Cao Huỳnh Linh L, sinh ngày 18/5/2009. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Kim N trình bày: Chị và anh G do quen biết và được sự đồng ý của gia đình chị và anh G đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 10/8/2006, nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18kra, số vàng này vợ chồng đã bán hết để lo cuộc sống hiện nay không còn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01 năm 2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, anh G thường xuyên đi ăn nhậu, có mối quan hệ trai gái bên ngoài, vợ chồng thường hay cải nhau, chị đã nhiều

lần khuyên ngăn nhưng anh G vẫn không sửa đổi, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, vào khoảng tháng 01 năm 2010 sau khi sinh con, chị về bên nhà mẹ ruột sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh G không còn sống chung nữa và đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay.

Về con chung: Quá trình vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 01 người con chung tên Cao Huỳnh Linh L, sinh ngày 18/05/2009 hiện đang sống với anh G.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Cao Văn G; Về con chung: tên Cao Huỳnh Linh L, sinh ngày 18/05/2009 sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con sống với chị thì chị yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi, nếu nguyện vọng của con sống với anh G thì chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Cao Văn G là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai cháu Cao Huỳnh Linh L trình bày: Cháu là con của bà Huỳnh Thị Kim N và ông Cao Văn G, cháu đang học lớp 3 trường tiểu học T, hiện đang sống với cha, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với cha là ông Cao Văn G.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Cao Văn G vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay anh Cao Văn G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, cháu Cao Huỳnh Linh L là con của chị N và anh G vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay anh Cao Văn G là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do, cháu Cao Huỳnh Linh L là con của chị N và anh G vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Huỳnh Thị Kim N và anh Cao Văn G được xác lập vào năm 2006 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 10/8/2006, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01 năm 2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, anh G thường xuyên đi ăn nhậu, có mối quan hệ trai gái bên ngoài, vợ chồng thường hay cải nhau, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh G vẫn không sửa đổi, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, vào khoảng tháng 01 năm 2010 sau khi sinh con, chị về bên nhà mẹ ruột sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh G không còn sống chung nữa và đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay.

Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh G nên yêu cầu được ly hôn. Qua xác minh Chính quyền địa phương thì chị N và anh G sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh G đi làm thường xuyên nhậu vợ chồng cự cải bất đồng nhau, đến đầu năm 2010 chị N bỏ về bên mẹ ruột sống, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau không hàn gắn lại được.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh G ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị N xin ly hôn với anh G là có căn cứ, đúng qui định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu cho chị N và anh G được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Cao Huỳnh Linh L, sinh ngày 18/5/2009 hiện đang sống với anh G. Tại phiên tòa chị N thống nhất theo nguyện vọng của cháu Linh L sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Linh L muốn được sống với anh G, từ đó nghĩ nên giao anh G được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Linh L sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị N có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay chị N chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim N có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Kim N và anh Cao Văn G được ly hôn.

- Về con chung: anh Cao Văn G được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cao Huỳnh Linh L, sinh ngày 18/5/2009.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên Tòa không xét đến.

Chị Huỳnh Thị Kim N được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

- Về án phí: chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0012677 ngày 15/11/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.
-VKSND huyện, tỉnh.
-CCTHADS huyện.
-Các đương sự.
-Lưu.